

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Luật số: / /QH...

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO
03.6.2022

LUẬT
PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN (SỬA ĐỔI)

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống rửa tiền.*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi rửa tiền; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống rửa tiền; hợp tác quốc tế *trong* phòng, chống rửa tiền.
2. Việc phòng, chống hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố được thực hiện theo quy định của Luật này, quy định của Bộ luật hình sự và pháp luật về phòng, chống khủng bố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tài chính.
2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan.
3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; người nước ngoài, *người không quốc tịch*; tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ có các giao dịch với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến phòng, chống rửa tiền.

Điều 3. Áp dụng Luật Phòng, chống rửa tiền, các luật có liên quan và điều ước quốc tế

Việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý *tổ chức, cá nhân có* hành vi rửa tiền được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định tại Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có, bao gồm:

a) Hành vi được quy định trong Bộ luật hình sự;

b) Trợ giúp cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý bằng việc hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có;

c) Chiếm hữu tài sản nếu tại thời điểm nhận tài sản đã biết rõ tài sản đó do phạm tội mà có, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản.

2. Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự, có thể tồn tại dưới hình thức vật chất hoặc phi vật chất; động sản hoặc bất động sản; hữu hình hoặc vô hình; các chứng từ hoặc công cụ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó.

3. Tổ chức tài chính là tổ chức được cấp giấy phép *theo quy định pháp luật để thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây:*

a) Nhận tiền gửi;

b) Cho vay;

c) Cung ứng dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ;

d) Cung cấp dịch vụ tài sản ảo;

đ) Cho thuê tài chính;

e) Dịch vụ thanh toán;

g) Dịch vụ trung gian thanh toán;

h) Phát hành công cụ chuyển nhượng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, lệnh chuyển tiền, tiền điện tử;

i) Bảo lãnh ngân hàng và cam kết tài chính;

k) Cung ứng dịch vụ ngoại hối, các công cụ tiền tệ trên thị trường tiền tệ;

l) Tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phân phối chứng khoán;

- m) Quản lý danh mục vốn đầu tư;
- n) Quản lý tiền mặt, *quỹ*, chứng khoán cho tổ chức, cá nhân khác;
- o) *Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ gắn với hoạt động đầu tư;*
- p) *Đổi tiền.*

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan là tổ chức, cá nhân *được cấp phép* thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây:

- a) Kinh doanh trò chơi có thưởng, casino;
- b) Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản;
- c) Kinh doanh kim loại quý và đá quý;
- d) Cung ứng dịch vụ công chứng, kế toán; dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư;
- đ) Cung cấp dịch vụ ủy thác (tín thác); dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký cho doanh nghiệp cho bên thứ ba.*

5. Đối tượng báo cáo là tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Giao dịch đáng ngờ là giao dịch có dấu hiệu bất thường hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch có nguồn gốc từ hoạt động tội phạm hoặc liên quan tới rửa tiền.

7. Giao dịch có giá trị lớn là giao dịch bằng tiền mặt, bằng vàng hoặc ngoại tệ tiền mặt có tổng giá trị bằng hoặc vượt mức do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định, được thực hiện một hoặc nhiều lần trong một ngày.

8. Chuyển tiền điện tử là bất kỳ giao dịch nào được thực hiện theo yêu cầu của người khởi tạo thông qua tổ chức tài chính bằng phương tiện điện tử nhằm chuyển một số tiền nhất định cho người thụ hưởng tại tổ chức tài chính thụ hưởng. Người thụ hưởng có thể là người khởi tạo.

9. Khách hàng là tổ chức, cá nhân, đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng dịch vụ hoặc sản phẩm do tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan cung cấp.

10. Chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế một tài khoản, có quyền chi phối khi khách hàng thực hiện giao dịch cho cá nhân này hoặc cá nhân có quyền chi phối một pháp nhân hoặc một thỏa thuận *pháp lý*.

11. *Quan hệ ngân hàng đại lý là quan hệ được thiết lập giữa tổ chức tài chính và ngân hàng tại một quốc gia, vùng lãnh thổ khác (sau đây gọi là ngân hàng đối tác nước ngoài) để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng, thanh toán và các dịch vụ khác.*

12. Người khởi tạo là chủ tài khoản hoặc người yêu cầu tổ chức tài chính thực hiện chuyển tiền điện tử trong trường hợp không có tài khoản.

13. Danh sách đen là danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan tới khủng bố và tài trợ khủng bố do Bộ Công an chủ trì lập theo quy định của pháp luật.

14. Danh sách cảnh báo là danh sách tổ chức, cá nhân *có rủi ro cao về rửa tiền* do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lập nhằm cảnh báo tổ chức, cá nhân.

15. *Nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba là hoạt động nhận biết khách hàng thông qua tổ chức tài chính khác có thiết lập quan hệ với khách hàng và đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật này.*

16. Lực lượng đặc nhiệm tài chính là tổ chức liên chính phủ, ban hành các chuẩn mực, thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả các biện pháp pháp lý, quản lý và hành động nhằm chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt *cũng như* những hiểm họa có liên quan khác đe dọa sự toàn vẹn của hệ thống tài chính toàn cầu.

17. *Thoả thuận pháp lý là thỏa thuận được xác định theo luật pháp nước ngoài cho phép bên nhận ủy thác được chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ người ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì một mục đích được xác định trong văn bản ủy thác (tín thác) hoặc các quan hệ pháp lý khác có bản chất tương tự.*

18. *Đánh giá rủi ro về rửa tiền là việc xem xét, đánh giá nguy cơ rửa tiền trong các lĩnh vực, hoạt động có rủi ro và đề xuất các biện pháp phòng, chống rửa tiền được áp dụng.*

19. *Cục Phòng, chống rửa tiền là đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chức năng phòng, chống rửa tiền, thu thập, phân tích và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền và các chức năng khác được quy định tại Luật này.*

Điều 5. Nguyên tắc trong phòng, chống rửa tiền

1. Việc phòng, chống rửa tiền phải thực hiện theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia; bảo đảm hoạt động bình

thường về kinh tế, đầu tư; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; chống lạm quyền, lợi dụng việc phòng, chống rửa tiền để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các biện pháp phòng, chống rửa tiền phải được thực hiện đồng bộ, kịp thời; các hành vi rửa tiền phải được xử lý nghiêm minh.

Điều 6. Chính sách của Nhà nước trong phòng, chống rửa tiền

1. Phòng, chống rửa tiền là trách nhiệm của Nhà nước và các cơ quan nhà nước. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia, hợp tác, trong hoạt động phòng, chống rửa tiền.

2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống rửa tiền.

3. Ban hành chính sách thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền.

4. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống rửa tiền được Nhà nước khen thưởng.

Điều 7. Đánh giá rủi ro quốc gia và rủi ro ngành về rửa tiền

1. Định kỳ 05 (năm) năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền tại Việt Nam và trình Chính phủ phê duyệt kết quả đánh giá, kế hoạch thực hiện sau đánh giá.

2. Trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm triển khai đánh giá, cập nhật rủi ro ngành thuộc phạm vi quản lý, phổ biến kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền trong nội bộ của bộ, ngành mình và đến các đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý, đồng thời có biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro đã xác định.

Điều 8. Các hành vi bị cấm

1. Tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện, trợ giúp thực hiện hành vi rửa tiền.

2. Thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả.

3. Thiết lập và duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng được thành lập tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhưng không có sự hiện diện hữu hình tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó và không chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

4. Cung cấp trái phép dịch vụ nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác hoặc công cụ lưu trữ giá trị và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng tại một địa điểm khác.

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống rửa tiền xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Cản trở, *không hợp tác* trong việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền.

7. Đe dọa, trả thù người phát hiện, cung cấp thông tin, báo cáo, tố cáo về hành vi rửa tiền.

Chương II

BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Mục 1

NHẬN BIẾT KHÁCH HÀNG VÀ CẬP NHẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Điều 9. Nhận biết khách hàng

1. Tổ chức tài chính phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:

- a) Khách hàng mở tài khoản hoặc thiết lập giao dịch với tổ chức tài chính;
- b) Khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn hoặc thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử mà thiếu thông tin về tên, địa chỉ, số tài khoản của người khởi tạo;
- c) Có nghi ngờ giao dịch, *các giao dịch liên quan* hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền;
- d) Có nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:

- a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 của Luật này phải tiến hành các biện pháp nhận biết khách hàng đối với các khách hàng có giao dịch có giá trị lớn;
- b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi cung cấp dịch vụ môi giới mua, bán và quản lý bất động sản cho khách hàng;
- c) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng

trong trường hợp khách hàng có giao dịch mua, bán kim loại quý, đá quý có giá trị lớn bằng tiền mặt;

d) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi thay mặt khách hàng chuẩn bị các điều kiện để thực hiện giao dịch hoặc thay mặt khách hàng thực hiện giao dịch chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; quản lý tiền, chứng khoán hoặc các tài sản khác của khách hàng; quản lý tài khoản của khách hàng tại ngân hàng, công ty chứng khoán; điều hành, quản lý hoạt động công ty của khách hàng; tham gia vào hoạt động mua, bán các tổ chức kinh doanh, *cung cấp dịch vụ ủy thác (tín thác)*;

đ) Các tổ chức cung cấp dịch vụ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 4 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi cung ứng các dịch vụ thành lập công ty; cung cấp giám đốc, thư ký *cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ủy thác (tín thác)*.

Điều 10. Thông tin nhận biết khách hàng

Thông tin nhận biết khách hàng phải có các thông tin chính sau đây:

1. Thông tin nhận dạng khách hàng:

a) Đối với khách hàng cá nhân *có một quốc tịch* là:

i) Người Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại *liên lạc*, số chứng minh nhân dân/*số căn cước công dân* hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại;

ii) Người nước ngoài *cư trú tại Việt Nam*: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, số thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam;

iii) *Người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam*: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số hộ chiếu, ngày cấp, địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài.

b) Đối với khách hàng *cá nhân là người có từ hai (02) quốc tịch trở lên*, ngoài những thông tin theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này, đối tượng báo cáo phải thu thập bổ sung thông tin về các quốc tịch, các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch.

c) Đối với khách hàng cá nhân là người không quốc tịch: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; nghề nghiệp, chức vụ; số thị thực; cơ quan cấp thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và ở Việt Nam.

d) Đối với khách hàng là tổ chức: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số giấy phép thành lập, mã số doanh nghiệp; số điện thoại liên lạc, số fax; lĩnh vực hoạt động, kinh doanh; thông tin về người thành lập, người đại diện cho tổ chức bao gồm các thông tin như quy định tại điểm a khoản này.

2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi: Đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi và áp dụng các biện pháp để nhận biết và cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi theo các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này. Chính phủ quy định các biện pháp để xác định chủ sở hữu hưởng lợi.

3. Mục đích và bản chất của mối quan hệ kinh doanh của khách hàng khi thiết lập với đối tượng báo cáo.

Điều 11. Cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng

Đối tượng báo cáo phải cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong thời gian thiết lập quan hệ với khách hàng nhằm đảm bảo:

1. Các giao dịch mà khách hàng đang tiến hành thông qua đối tượng báo cáo phù hợp với những thông tin đã biết về khách hàng, về hoạt động kinh doanh, về rủi ro và về nguồn gốc tài sản của khách hàng.

2. Tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin thu thập được chính xác với các hồ sơ hiện có, đặc biệt đối với khách hàng có mức độ rủi ro cao.

Điều 12. Biện pháp xác minh thông tin nhận biết khách hàng

1. Đối tượng báo cáo sử dụng các tài liệu, dữ liệu, để xác minh thông tin nhận biết khách hàng bao gồm:

a) Đối với khách hàng là cá nhân: Chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu còn thời hạn sử dụng và các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Đối với khách hàng là tổ chức: Giấy phép hoặc quyết định thành lập; quyết định đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; điều lệ của tổ chức; quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng.

2. Đối tượng báo cáo có thể thông qua tổ chức, cá nhân khác đã hoặc đang có quan hệ với khách hàng; hoặc thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các tổ chức được cung ứng dịch vụ định danh, xác thực điện tử; cơ quan quản lý hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác để thu thập thông tin và đối chiếu với thông tin khách hàng cung cấp.

3. Đối tượng báo cáo có thể thuê các tổ chức khác để xác minh thông tin nhận biết khách hàng. Trường hợp này đối tượng báo cáo phải bảo đảm tổ chức

được thuê thực hiện đúng các quy định về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Luật này và *đối tượng báo cáo* chịu trách nhiệm về kết quả nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng.

Điều 13. Đánh giá rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của quốc gia, ngành và lĩnh vực hoạt động của mình, *đối tượng báo cáo* phải thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền để nhận diện và xác định các rủi ro về rửa tiền (đối với khách hàng, quốc gia hoặc khu vực địa lý, các sản phẩm, dịch vụ, giao dịch hoặc kênh phân phối) của *đối tượng báo cáo*. Kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của *đối tượng báo cáo* phải được cập nhật hàng năm và phải được cấp có thẩm quyền của *đối tượng báo cáo* phê duyệt, ban hành.

2. *Đối tượng báo cáo* phải xây dựng quy trình quản lý rủi ro nhằm giảm thiểu các rủi ro về rửa tiền đã được nhận diện và xác định tại tổ chức mình. Quy trình quản lý rủi ro phải bao gồm cả các biện pháp kiểm soát tăng cường đối với các lĩnh vực hoạt động có rủi ro cao về rửa tiền và các biện pháp kiểm soát giảm nhẹ đối với các lĩnh vực hoạt động có rủi ro thấp về rửa tiền.

3. *Đối tượng báo cáo* phải báo cáo kết quả đánh giá rủi ro hoặc cập nhật kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền và các chính sách, quy trình quản lý rủi ro cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp *đối tượng báo cáo* trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết quả đánh giá rủi ro hoặc cập nhật kết quả đánh giá rủi ro, chính sách và quy trình quản lý rủi ro được ban hành; đồng thời phải phổ biến trong toàn hệ thống của *đối tượng báo cáo* các kết quả và chính sách, quy trình này.

Điều 14. Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền

1. Căn cứ kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, ngành về rửa tiền, *đối tượng báo cáo* phải thực hiện phân loại khách hàng theo các mức độ rủi ro về rửa tiền trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền tại *đối tượng báo cáo* và thông tin nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng.

2. *Đối tượng báo cáo* phải áp dụng các biện pháp tùy thuộc mức độ rủi ro về rửa tiền của khách hàng như sau:

a) Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, *đối tượng báo cáo* có thể thực hiện nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng ở mức độ giảm nhẹ;

b) Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình, *đối tượng báo cáo* phải thực hiện nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 10, 11 của Luật này;

c) Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền cao (không bao gồm các khách hàng, giao dịch đã được quy định tại các điều 15, 16, 17, 18, 19 của Luật này), đối tượng báo cáo phải thực hiện nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 10, 11 của Luật này và thực hiện nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng tăng cường.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết việc thực hiện nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng ở mức độ tăng cường và giảm nhẹ.

Điều 15. Khách hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính trị

1. Khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị là người giữ chức vụ cấp cao trong các cơ quan, tổ chức hữu quan của nước ngoài và tổ chức quốc tế.

2. Đối tượng báo cáo phải:

a) Có hệ thống quản lý rủi ro nhằm xác định khách hàng hoặc chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân có ảnh hưởng chính trị;

b) Được sự chấp thuận của quản lý cấp cao trước khi thiết lập mối quan hệ kinh doanh với khách hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính trị;

c) Thực hiện các biện pháp thích hợp để xác minh nguồn gốc tài sản của khách hàng và chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân có ảnh hưởng chính trị và thực hiện giám sát tăng cường mối quan hệ kinh doanh.

3. Đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này đối với khách hàng là cá nhân dưới đây:

a) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Bất kỳ người nào có các mối quan hệ với cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều này, gồm:

(i) Đồng chủ sở hữu hưởng lợi của một hoặc nhiều pháp nhân, thỏa thuận pháp lý với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều này;

(ii) Chủ sở hữu hưởng lợi của một hoặc nhiều pháp nhân, thỏa thuận pháp lý được thành lập và hoạt động vì lợi ích của cá nhân nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Quan hệ ngân hàng đại lý

Đối tượng báo cáo là tổ chức tài chính khi thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý với ngân hàng đối tác nước ngoài phải áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm:

1. Thu thập thông tin về ngân hàng đối tác để *hiểu* biết đầy đủ về bản chất kinh doanh, uy tín của ngân hàng đối tác và *thông tin giám sát* về ngân hàng đối tác của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, trong đó, bao gồm cả thông tin việc ngân hàng đối tác có bị điều tra về rửa tiền hay các vi phạm pháp luật khác hay không.

2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp về phòng, chống rửa tiền của ngân hàng đối tác.

3. Phải được sự chấp thuận của Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc người được ủy quyền của đối tượng báo cáo trước khi thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý.

4. *Hiểu biết về các trách nhiệm phòng, chống rửa tiền của mỗi tổ chức trong quan hệ đại lý.*

5. Trong trường hợp khách hàng của ngân hàng đối tác có thể thanh toán thông qua tài khoản của ngân hàng đối tác mở tại đối tượng báo cáo, đối tượng báo cáo phải bảo đảm ngân hàng đối tác đã thực hiện đầy đủ việc nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng và có khả năng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng theo yêu cầu của đối tượng báo cáo. *Đối tượng báo cáo phải đảm bảo rằng tài khoản của ngân hàng đối tác không được phép sử dụng bởi các ngân hàng vỏ bọc.*

Điều 17. Các sản phẩm, dịch vụ sử dụng công nghệ mới

1. *Khi áp dụng công nghệ mới khác với công nghệ đang sử dụng, đối tượng báo cáo phải nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền đối với các sản phẩm, dịch vụ sử dụng công nghệ mới hiện có và trước khi đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.*

2. Đối tượng báo cáo phải ban hành quy trình *nội bộ* nhằm mục đích sau đây:

a) Phát hiện, ngăn chặn việc *thực hiện các sản phẩm, dịch vụ* sử dụng công nghệ mới vào việc rửa tiền;

b) Quản lý rủi ro về rửa tiền khi thiết lập giao dịch với khách hàng sử dụng *các sản phẩm, dịch vụ sử dụng* công nghệ mới;

c) *Áp dụng các biện pháp cần thiết để giảm thiểu rủi ro.*

Điều 18. Giám sát đặc biệt một số giao dịch

1. Đối tượng báo cáo phải giám sát đặc biệt đối với các giao dịch với tổ chức, cá nhân tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc danh sách cảnh báo.

2. Đối tượng báo cáo phải thực hiện:

a) Các biện pháp tăng cường cập nhật thông tin khách hàng phù hợp với mức độ rủi ro về rửa tiền;

b) Kiểm tra cơ sở pháp lý và mục đích của giao dịch, trường hợp có nghi ngờ về tính chính xác, mục đích của giao dịch, đối tượng báo cáo phải gửi báo cáo giao dịch đáng ngờ đến Cục Phòng, chống rửa tiền và có thể từ chối giao dịch đó.

Điều 19. Nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba

1. Đối tượng báo cáo có thể nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba và bảo đảm bên thứ ba đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Bên thứ ba tuân thủ các yêu cầu về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Luật này hoặc khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính trong trường hợp bên thứ ba là tổ chức nước ngoài;

b) Bên thứ ba phải thu thập, lưu giữ thông tin và cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin nhận biết khách hàng cho đối tượng báo cáo khi được yêu cầu;

c) Bên thứ ba phải là đối tượng chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trong trường hợp bên thứ ba là tổ chức tài chính và là công ty con của công ty mẹ là tổ chức tài chính, thì công ty mẹ cần phải tuân thủ:

a) Các yêu cầu về nhận biết khách hàng, lưu trữ hồ sơ giao dịch và các yêu cầu về khách hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính trị quy định tại Điều 9, 10, 15, 30, 32 của Luật này;

b) Việc áp dụng các yêu cầu về nhận biết khách hàng và lưu trữ hồ sơ giao dịch phải được giám sát ở cấp tập đoàn;

c) Có các chính sách giảm thiểu rủi ro đối với các quốc gia có rủi ro cao.

3. Việc nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba không loại trừ trách nhiệm của đối tượng báo cáo trong việc nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng.

Điều 20. Minh bạch thông tin của pháp nhân

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp phép thành lập, hoạt động cho pháp nhân phải cập nhật, lưu giữ thông tin cơ bản, thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân bao gồm: tên và loại hình pháp nhân, quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, tình trạng pháp lý, địa chỉ đặt trụ sở chính, cơ cấu tổ

chức quản lý, điều lệ, danh sách thành viên Hội đồng quản trị, thông tin cá nhân có quyền chi phối pháp nhân.

Các cơ quan này phải lưu giữ thông tin nêu trên tối thiểu 05 năm sau ngày pháp nhân chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Pháp nhân có trách nhiệm thu thập, cập nhật, lưu trữ thông tin nêu tại khoản 1 và cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 1, 2 Điều này cung cấp thông tin.

Điều 21. Minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý

1. Người nhận ủy thác là tổ chức, cá nhân trong thỏa thuận pháp lý phải:

a) Thu thập, cập nhật các thông tin về bên ủy thác, bên nhận ủy thác, người thụ hưởng, các bên liên quan (nếu có) và cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác và có trách nhiệm cung cấp các thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; các thông tin phải được lưu giữ ít nhất 05 (năm) năm sau khi ngừng tham gia vào hoạt động ủy thác;

b) Cung cấp cho tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan các thông tin quy định tại điểm a Khoản này và văn bản ủy thác khi thiết lập mối quan hệ khách hàng với tổ chức nêu trên liên quan đến tài sản được ủy thác.

2. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan phải thực hiện nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Luật này đối với những cá nhân, tổ chức liên quan đến ủy thác theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1, 2 Điều này cung cấp thông tin.

Điều 22. Bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động của tổ chức phi lợi nhuận

1. Các tổ chức phi lợi nhuận được thành lập hoặc hoạt động tại Việt Nam phải duy trì, cập nhật hồ sơ có đầy đủ các thông tin về tổ chức, cá nhân tài trợ; tổ chức, cá nhân tiếp nhận tài trợ; số tiền tài trợ và mục đích sử dụng tiền tài trợ.

2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này phải được lưu trữ đầy đủ và cung cấp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO, CUNG CẤP VÀ LƯU GIỮ THÔNG TIN VÀ XÂY DỰNG QUY ĐỊNH NỘI BỘ VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Điều 23. Xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

1. Đối tượng báo cáo phải ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền với những nội dung chính sau đây:

a) *Chính sách chấp nhận khách hàng, bao gồm cả việc từ chối mở tài khoản, thiết lập mối quan hệ kinh doanh, thực hiện giao dịch hoặc chấm dứt mối quan hệ kinh doanh với khách hàng và phải xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ khi Đối tượng báo cáo không thể hoàn thành việc nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin khách hàng do khách hàng từ chối cung cấp thông tin;*

b) Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng;

c) *Chính sách, quy trình quản lý rủi ro;*

d) Giao dịch phải báo cáo;

đ) Quy trình rà soát, phát hiện, xử lý và báo cáo giao dịch đáng ngờ; cách thức giao tiếp với khách hàng thực hiện giao dịch đáng ngờ;

e) Lưu giữ và bảo mật thông tin;

g) Áp dụng biện pháp tạm thời, nguyên tắc xử lý trong các trường hợp trì hoãn thực hiện giao dịch;

h) Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

i) *Quy trình tuyển dụng nhân sự; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền;*

k) Kiểm soát và kiểm toán nội bộ việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình và thủ tục liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền; trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.

2. Nội dung quy định nội bộ phải bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý có hiệu quả các hoạt động có nghi ngờ liên quan tới rửa tiền; phù hợp cơ cấu tổ chức, quy mô hoạt động và mức độ rủi ro về rửa tiền trong hoạt động của đối tượng báo cáo và phải được *áp dụng*, phổ biến đến đại lý, chi nhánh, công ty con, cá nhân, bộ phận có liên quan của đối tượng báo cáo.

3. Hàng năm, đối tượng báo cáo phải đánh giá quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền để sửa đổi, bổ sung phù hợp.

Điều 24. Báo cáo giao dịch có giá trị lớn

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Cục Phòng, chống rửa tiền khi thực hiện các giao dịch có giá trị lớn.

2. Theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ quy định mức giá trị của giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

Điều 25. Báo cáo giao dịch đáng ngờ

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo *Cục Phòng, chống rửa tiền* khi nghi ngờ hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch có nguồn gốc do phạm tội mà có hoặc liên quan tới rửa tiền. Báo cáo giao dịch đáng ngờ được thực hiện theo mẫu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

2. Các dấu hiệu đáng ngờ cơ bản bao gồm:

a) Khách hàng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng không chính xác, không đầy đủ, không nhất quán;

b) Khách hàng thuyết phục đối tượng báo cáo không báo cáo giao dịch cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không thể xác định được khách hàng theo thông tin khách hàng cung cấp hoặc giao dịch liên quan đến một bên không xác định được danh tính;

d) Số điện thoại cá nhân hoặc cơ quan do khách hàng cung cấp không thể liên lạc được hoặc không có số này sau khi mở tài khoản hoặc thực hiện giao dịch;

đ) Các giao dịch được thực hiện theo lệnh hoặc theo uỷ quyền của tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo;

e) Các giao dịch mà qua thông tin nhận biết khách hàng hoặc qua xem xét về cơ sở kinh tế và pháp lý của giao dịch có thể xác định được mối liên hệ giữa các bên tham gia giao dịch với các hoạt động phạm tội hoặc có liên quan tới tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo;

g) Các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch với số tiền lớn không phù hợp với thu nhập, hoạt động kinh doanh của tổ chức, cá nhân này;

h) Giao dịch của khách hàng thực hiện thông qua đối tượng báo cáo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm:

a) Có sự thay đổi đột biến trong doanh số giao dịch trên tài khoản; tiền gửi vào và rút ra nhanh khỏi tài khoản; doanh số giao dịch lớn trong ngày nhưng số dư tài khoản rất nhỏ hoặc bằng không;

b) Các giao dịch chuyển tiền có giá trị nhỏ từ nhiều tài khoản khác nhau về một tài khoản hoặc ngược lại trong một thời gian ngắn; tiền được chuyển qua nhiều tài khoản; các bên liên quan không quan tâm đến phí giao dịch; thực hiện nhiều giao dịch, mỗi giao dịch gần mức giá trị lớn phải báo cáo;

c) Sử dụng thư tín dụng và các phương thức tài trợ thương mại khác có giá trị lớn, tỷ lệ chiết khấu với giá trị cao so với bình thường;

d) Khách hàng mở nhiều tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở khu vực địa lý khác nơi khách hàng cư trú, làm việc hoặc có hoạt động kinh doanh;

đ) Tài khoản của khách hàng không giao dịch trên một năm, giao dịch trở lại mà không có lý do hợp lý; tài khoản của khách hàng không giao dịch đột nhiên nhận được một khoản tiền gửi hoặc chuyển tiền có giá trị lớn;

e) Chuyển số tiền lớn từ tài khoản của doanh nghiệp ra nước ngoài sau khi nhận được nhiều khoản tiền nhỏ được chuyển vào bằng chuyển tiền điện tử, séc, hối phiếu;

g) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được vốn đầu tư hoặc chuyển tiền ra nước ngoài không phù hợp với hoạt động kinh doanh; doanh nghiệp nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài ngay sau khi nhận được tiền từ nước ngoài chuyển vào tài khoản mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

h) Khách hàng thường xuyên đổi tiền có mệnh giá nhỏ sang mệnh giá lớn;

i) Giao dịch gửi tiền, rút tiền hay chuyển tiền được thực hiện bởi tổ chức hoặc cá nhân liên quan đến tội phạm tạo ra tài sản bất hợp pháp đã được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng;

k) Khách hàng yêu cầu vay số tiền tối đa được phép trên cơ sở bảo đảm bằng hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần ngay sau khi thanh toán phí bảo hiểm, trừ trường hợp tổ chức tín dụng yêu cầu;

l) Thông tin về nguồn gốc tài sản sử dụng để tài trợ, đầu tư, cho vay, cho thuê tài chính hoặc uỷ thác đầu tư của khách hàng không rõ ràng, minh bạch;

m) Thông tin về nguồn gốc tài sản bảo đảm của khách hàng xin vay vốn không rõ ràng, minh bạch.

4. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm bao gồm:

a) Khách hàng yêu cầu mua một hợp đồng bảo hiểm có giá trị lớn hoặc yêu cầu thanh toán trọn gói phí bảo hiểm một lần đối với các sản phẩm bảo hiểm không áp dụng hình thức thanh toán trọn gói, trong khi những hợp đồng bảo hiểm hiện tại của khách hàng chỉ có giá trị nhỏ và thanh toán định kỳ;

b) Khách hàng yêu cầu ký kết hợp đồng bảo hiểm với khoản phí bảo hiểm định kỳ không phù hợp với thu nhập hiện tại của khách hàng hoặc yêu cầu mua hợp đồng bảo hiểm liên quan đến công việc kinh doanh nằm ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của khách hàng;

c) Người mua hợp đồng bảo hiểm và thanh toán từ tài khoản không phải là tài khoản của mình hoặc bằng các công cụ chuyển nhượng không ghi tên;

d) Khách hàng yêu cầu thay đổi người thụ hưởng đã chỉ định hoặc bằng người không có mối quan hệ rõ ràng với người mua hợp đồng bảo hiểm;

đ) Khách hàng chấp nhận tất cả các điều kiện bất lợi không liên quan đến tuổi tác, sức khỏe của mình; khách hàng đề nghị mua bảo hiểm với mục đích không rõ ràng và miễn cưỡng cung cấp lý do tham gia bảo hiểm; điều kiện và giá trị hợp đồng bảo hiểm mâu thuẫn với nhu cầu của khách hàng;

e) Khách hàng hủy hợp đồng bảo hiểm ngay sau khi mua và yêu cầu chuyển tiền cho bên thứ ba; khách hàng thường xuyên tham gia bảo hiểm và nhượng lại hợp đồng bảo hiểm cho bên thứ ba;

g) Khách hàng là doanh nghiệp có số lượng hợp đồng bảo hiểm cho nhân viên hoặc mức phí bảo hiểm của hợp đồng đóng phí một lần tăng bất thường;

h) Doanh nghiệp bảo hiểm thường xuyên chi trả bảo hiểm với số tiền lớn cho cùng một khách hàng.

5. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm:

a) Giao dịch mua, bán chứng khoán có dấu hiệu bất thường trong một ngày hoặc một số ngày do một tổ chức hoặc một cá nhân thực hiện;

b) Khách hàng thực hiện chuyển nhượng chứng khoán ngoài hệ thống mà không có lý do hợp lý;

c) Công ty chứng khoán chuyển tiền không phù hợp với các hoạt động kinh doanh chứng khoán;

d) Người không cư trú chuyển số tiền lớn từ tài khoản giao dịch chứng khoán ra khỏi Việt Nam;

đ) Khách hàng thường xuyên bán danh mục đầu tư và đề nghị công ty chứng khoán thanh toán bằng tiền mặt hoặc séc;

e) Khách hàng đầu tư bất thường vào nhiều loại chứng khoán bằng tiền mặt hoặc séc trong khoảng thời gian ngắn hoặc sẵn sàng đầu tư vào các danh mục chứng khoán không có lợi;

g) Tài khoản chứng khoán của khách hàng không hoạt động trong một thời gian dài nhưng đột nhiên được đầu tư lớn không phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng;

h) Giao dịch mua, bán chứng khoán có nguồn tiền từ các quỹ đầu tư được mở ở các vùng lãnh thổ được các tổ chức quốc tế xếp loại là có nguy cơ rửa tiền cao.

6. Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực trò chơi có thưởng, casino bao gồm:

a) Khách hàng có dấu hiệu liên tục cố tình thua tại casino;

b) Khách hàng đổi số lượng đồng tiền quy ước có giá trị lớn tại casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng nhưng không tham gia chơi hoặc chơi với số lượng rất nhỏ sau đó đổi lại thành tiền mặt hoặc séc, hối phiếu ngân hàng hoặc chuyển tiền đến tài khoản khác;

c) Khách hàng yêu cầu chuyển tiền thắng cược, trúng thưởng cho bên thứ ba không có mối quan hệ rõ ràng với khách hàng hoặc khi bên thứ ba không có nơi thường trú cùng với khách hàng;

d) Khách hàng bỏ sung tiền mặt hoặc séc vào số tiền thắng cược, trúng thưởng và yêu cầu casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng chuyển thành séc có giá trị lớn;

đ) Khách hàng nhiều lần trong một ngày yêu cầu casino, điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đổi số lượng đồng tiền quy ước thành tiền mặt;

e) Khách hàng nhiều lần trong một ngày yêu cầu bên thứ ba đổi hộ số lượng đồng tiền quy ước có giá trị lớn và nhờ bên thứ ba chơi cá cược hộ;

g) Khách hàng nhiều lần trong một ngày mua vé xổ số, vé đặt cược, đổi đồng tiền quy ước ở gần mức giới hạn giao dịch có giá trị lớn;

h) Khách hàng mua lại vé số trúng thưởng có giá trị lớn từ người khác.

7. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản bao gồm:

a) Các giao dịch bất động sản là giao dịch ủy quyền nhưng không có cơ sở pháp lý;

b) Khách hàng không quan tâm đến giá bất động sản, phí giao dịch phải trả;

c) Khách hàng không cung cấp được các thông tin liên quan tới bất động sản hoặc không muốn cung cấp bổ sung thông tin về nhân thân;

d) Giá thỏa thuận giữa các bên giao dịch không phù hợp giá thị trường.

8. *Khi phát hiện dấu hiệu đáng ngờ ngoài các dấu hiệu cơ bản nêu trên, đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Căn cứ yêu cầu của công tác phòng, chống rửa tiền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành hướng dẫn, bổ sung các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ theo các ngành, lĩnh vực có thể phát sinh trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều này.*

Điều 26. Giao dịch chuyển tiền điện tử

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Cục Phòng, chống rửa tiền khi thực hiện các giao dịch chuyển tiền điện tử vượt quá mức giá trị theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chi tiết các nội dung liên quan đến giao dịch chuyển tiền điện tử.*

3. *Các tổ chức tham gia vào giao dịch chuyển tiền điện tử phải có chính sách và quy trình trên cơ sở đánh giá rủi ro của tổ chức để thực hiện, từ chối, tạm dừng, kiểm soát sau giao dịch hoặc báo cáo giao dịch đáng ngờ các giao dịch chuyển tiền điện tử không chính xác, đầy đủ các thông tin theo yêu cầu.*

Điều 27. Khai báo, cung cấp thông tin về việc vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới

1. Cá nhân khi nhập cảnh, xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng trên mức quy định của *cơ quan nhà nước có thẩm quyền* phải khai báo hải quan. *Trường hợp không thể khai báo với cơ quan hải quan thì khai báo với bộ đội biên phòng, cảnh sát biển.*

2. Cơ quan hải quan, *bộ đội biên phòng, cảnh sát biển* có trách nhiệm *thu thập, lưu trữ* các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và *cung cấp* cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu hoặc *cung cấp* cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 28. Hình thức báo cáo

1. Đối tượng báo cáo gửi tệp dữ liệu điện tử hoặc báo cáo bằng văn bản khi chưa thiết lập được hệ thống công nghệ thông tin tương thích phục vụ cho yêu cầu gửi tệp dữ liệu điện tử đối với các báo cáo được quy định tại Điều 24, 25 và 26 của Luật này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Trong trường hợp cần thiết, đối tượng báo cáo có thể báo cáo qua fax, điện thoại, thư điện tử, nhưng phải bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu thông tin báo cáo và phải xác nhận lại bằng một trong hai hình thức quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ, đối tượng báo cáo phải gửi kèm hồ sơ mở tài khoản đối với các giao dịch thực hiện thông qua tài khoản, thông tin nhận biết khách hàng, các chứng từ và tài liệu khác liên quan đến giao dịch đáng ngờ, các biện pháp phòng ngừa đã thực hiện.

Điều 29. Thời hạn báo cáo

1. Đối với giao dịch có giá trị lớn và giao dịch chuyển tiền điện tử, đối tượng báo cáo phải:

- a) Báo cáo hàng ngày đối với hình thức báo cáo gửi tệp dữ liệu điện tử;
- b) Báo cáo trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh giao dịch đối với hình thức báo cáo bằng văn bản hoặc các hình thức báo cáo khác.

2. Đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ, đối tượng báo cáo phải báo cáo trong thời gian tối đa là *hai ngày làm việc* kể từ thời điểm phát sinh giao dịch *hoặc một ngày làm việc* kể từ thời điểm phát hiện giao dịch đáng ngờ; trường hợp phát hiện giao dịch do khách hàng yêu cầu có dấu hiệu liên quan đến tội phạm thì phải báo cáo ngay cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 30. Lưu giữ hồ sơ, báo cáo

Đối tượng báo cáo có trách nhiệm lưu giữ *thông tin, tài liệu: nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Luật này; báo cáo giao dịch và các hồ sơ, tài liệu kèm theo giao dịch báo cáo theo quy định tại Điều 24, 25 và 26 của Luật này; kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến khách hàng, giao dịch phải báo cáo* ít nhất 5 năm kể từ ngày phát sinh giao dịch hoặc ít nhất 5 năm kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc ngày đóng tài khoản hoặc ngày báo cáo.

Điều 31. Trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin

1. Đối tượng báo cáo phải cung cấp kịp thời *thông tin, tài liệu theo quy định tại Điều 30 của Luật này* cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu *theo quy định của Luật này*.

2. *Đối tượng báo cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo quy định của Luật này không bị coi là vi phạm các quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin.*

Điều 32. Bảo đảm bí mật thông tin, tài liệu báo cáo

1. *Đối tượng báo cáo phải bảo đảm bí mật đối với thông tin, chứng từ và tài liệu khác liên quan đến các giao dịch phải báo cáo theo quy định của Luật này.*

2. *Đối tượng báo cáo (bao gồm cả người quản lý, người lao động) không được tiết lộ thông tin về việc đã báo cáo giao dịch đáng ngờ hoặc các thông tin có liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

Mục 3

THU THẬP, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO THÔNG TIN VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Điều 33. Cung cấp thông tin phòng, chống rửa tiền

1. *Cục Phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ và các thông tin khác cần thiết cho việc phân tích, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền, hợp tác trong nước và quốc tế về phòng, chống rửa tiền.*

2. *Đối tượng báo cáo, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm cung cấp cho Cục Phòng, chống rửa tiền thông tin, tài liệu, hồ sơ về các giao dịch và các thông tin khác theo quy định của Luật này.*

Điều 34. Tiếp nhận, thu thập và xử lý thông tin phòng, chống rửa tiền

1. *Cục Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm ban hành quy trình xử lý, phân tích thông tin, báo cáo nhận được. Quy trình xử lý và phân tích thông tin phải bao gồm:*

a) *Phân tích và xử lý thông tin dựa trên nguồn thông tin sẵn có và thu thập bổ sung để xác định các xu hướng và mô hình rửa tiền. Các thông tin phân tích này sử dụng để xác định các nguy cơ của hoạt động rửa tiền và các biện pháp phòng, chống rửa tiền được áp dụng về rửa tiền trong từng ngành, lĩnh vực và ở phạm vi toàn quốc nhằm xây dựng các chiến lược và mục tiêu phòng, chống rửa tiền trong từng giai đoạn nhất định;*

b) *Phân tích và xử lý thông tin dựa trên nguồn thông tin sẵn có và thu thập bổ sung để lần theo dấu giao dịch hoặc hoạt động cụ thể có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền hoặc hoạt động tội phạm khác nhằm xác định mối liên hệ của hoạt động hoặc giao dịch có liên quan tới rửa tiền hoặc hoạt động tội phạm khác.*

2. Cục Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm thiết lập hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc phân tích, xử lý thông tin hiệu quả.

Điều 35. Chuyển giao, trao đổi thông tin phòng, chống rửa tiền trong nước

1. Khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch được nêu trong thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền, Cục Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm chuyển giao thông tin hoặc hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền để phục vụ cho việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền.

2. Cục Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền.

3. Cục Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm trao đổi thông tin với các bộ, ngành liên quan nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền.

Điều 36. Chuyển giao, trao đổi thông tin phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài

1. Cục Phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền gửi yêu cầu tới cơ quan phòng, chống rửa tiền và cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác để thu thập bổ sung thông tin phục vụ cho việc xử lý, phân tích và chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền; Cục Phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền tiếp nhận thông tin phản hồi, thông tin chuyển giao của cơ quan phòng, chống rửa tiền và cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác và xử lý thông tin nhận được theo quy định của Luật này.

2. Cục Phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền tiếp nhận yêu cầu đề nghị cung cấp thông tin từ cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác với mục đích phục vụ cho công tác phòng, chống rửa tiền; Cục Phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền cung cấp thông tin phản hồi, thông tin chuyển giao của cơ quan phòng, chống rửa tiền hoặc cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác theo quy định của Luật này.

Điều 37. Giám sát và chuyển giao thông tin giám sát về phòng, chống rửa tiền

1. Cục Phòng, chống rửa tiền có thẩm quyền và trách nhiệm giám sát đối tượng báo cáo trong việc thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền.

2. Cục Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm cung cấp thông tin, giám sát công tác phòng, chống rửa tiền của đối tượng báo cáo cho cơ quan thanh tra các Bộ, ngành để phục vụ cho công tác thanh tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền.

Mục 4

ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TẠM THỜI VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 38. Trì hoãn giao dịch

1. Đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch *ngay khi phát hiện* các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội *hoặc tài sản trong giao dịch có nguồn gốc từ tội phạm* và phải báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thời hạn áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu áp dụng.

3. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 39. Phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản

Đối tượng báo cáo phải thực hiện phong tỏa tài khoản hoặc áp dụng biện pháp niêm phong hoặc tạm giữ tài sản của các cá nhân, tổ chức khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam *việc phong tỏa, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản liên quan đến các tội phạm hình sự*.

Điều 40. Xử lý vi phạm

Tổ chức vi phạm các quy định của Luật này thì bị xử phạt vi phạm hành chính.

Cá nhân vi phạm các quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Điều 41. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.

2. Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, chiến lược về phòng, chống rửa tiền.

3. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan của Chính phủ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác phòng, chống rửa tiền; phối hợp công tác phòng, chống rửa tiền và công tác phòng, chống tài trợ khủng bố.

Điều 42. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.

2. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch về phòng, chống rửa tiền.

3. *Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.*

4. *Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia, ngành/lĩnh vực và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng.*

5. Hợp tác, trao đổi, cung cấp thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án liên quan đến rửa tiền; trao đổi thông tin với cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền, làm đầu mối tham gia, triển khai thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam với tư cách thành viên các tổ chức quốc tế về phòng, chống rửa tiền.

7. Đào tạo đội ngũ cán bộ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan khác của Chính phủ, nhân viên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cá nhân, tổ chức khác về phòng, chống rửa tiền.

8. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác phòng, chống rửa tiền.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền và *truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống rửa tiền.*

10. Tổng hợp thông tin, định kỳ hàng năm báo cáo Chính phủ về phòng, chống rửa tiền trên lãnh thổ Việt Nam.

11. *Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan hướng dẫn các tiêu chí đánh giá rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo.*

12. Thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng theo kết quả đánh giá rủi ro quốc gia.

Điều 43. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tội phạm liên quan đến rửa tiền từ thông tin do Cục Phòng, chống rửa tiền chuyển giao và thông tin do đối tượng báo cáo cung cấp theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; thông báo kết quả xử lý có liên quan cho Cục Phòng, chống rửa tiền.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan trong phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm về rửa tiền.

3. Thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu về phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của tội phạm rửa tiền trong nước và nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Chủ trì lập danh sách tổ chức, cá nhân thuộc danh sách đen quy định tại khoản 12 Điều 4 của Luật này.

5. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền.

6. Thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền đối với các loại tội phạm nguồn có rủi ro cao theo kết quả đánh giá rủi ro quốc gia.

Điều 44. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ gắn với hoạt động đầu tư, chứng khoán, trò chơi có thưởng, casino, tài sản ảo và dịch vụ kế toán.

2. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia, ngành/lĩnh vực và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ gắn với hoạt động đầu tư, chứng khoán, trò chơi có thưởng, casino, tài sản ảo và dịch vụ kế toán.

3. Cung cấp thông tin thu thập được về việc vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới theo quy định tại Điều 27 của Luật này.

4. Thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ gắn với hoạt động đầu tư, chứng khoán, trò chơi có thưởng, casino, tài sản ảo và dịch vụ kế toán theo quy định tại Điều 7 Luật này.

Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

2. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia, ngành/lĩnh vực và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản bao gồm: kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản.

3. Định kỳ thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản theo quy định tại Điều 7 Luật này.

Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền áp dụng cho đối tượng báo cáo là luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; công chứng viên, tổ chức cung ứng dịch vụ công chứng.

2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia, ngành/lĩnh vực và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, bao gồm: luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; công chứng viên, tổ chức cung ứng dịch vụ công chứng.

4. Định kỳ thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực hành nghề luật sư; cung ứng dịch vụ công chứng quy định tại Điều 7 Luật này.

Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Công thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền áp dụng cho đối tượng báo cáo là các tổ chức, cá nhân kinh doanh kim loại quý, đá quý trừ tổ chức, cá nhân kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức, mỹ nghệ.

2. Căn cứ mức độ rủi ro quốc gia, ngành/lĩnh vực và đối tượng báo cáo về rửa tiền để thực hiện thanh tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức mỹ nghệ.

3. Định kỳ thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức mỹ nghệ.

Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền đối với pháp nhân được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 49. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền đối với các tổ chức phi lợi nhuận trong nước.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền đối với các tổ chức phi lợi nhuận trong nước.

Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền đối với các tổ chức phi lợi nhuận nước ngoài.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền đối với các tổ chức phi lợi nhuận nước ngoài.

Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh kim loại quý và đá quý trừ các loại kim loại quý, đá quý thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công thương.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá rủi ro về rửa tiền đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh thành kim loại quý, đá quý trừ các loại kim loại quý, đá quý thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công thương.

Điều 52. Trách nhiệm của các bộ ngành khác

1. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý của mình thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan định kỳ thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành về rửa tiền.

Điều 53. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân

Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi rửa tiền; phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan trong đấu tranh phòng, chống rửa tiền.

Điều 54. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Thực hiện, chỉ đạo việc phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền tại địa phương.

2. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền: triển khai và đôn đốc thực hiện các đường lối, chính sách, chiến lược, kế hoạch phòng, chống rửa tiền, *thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia, ngành về rửa tiền.*

3. Phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền theo thẩm quyền.

Điều 55. Bảo mật thông tin

Các cơ quan nhà nước được quy định tại Chương III của Luật này có trách nhiệm thực hiện chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Chương IV

HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Điều 56. Nguyên tắc chung về hợp tác quốc tế

Hợp tác quốc tế thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, các bên cùng có lợi, tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 57. Nội dung hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền

1. Hợp tác quốc tế trong việc xác định, phong tỏa, niêm phong hoặc tịch thu tài sản của người phạm tội rửa tiền.

2. Thực hiện tương trợ tư pháp và hợp tác trong dẫn độ tội phạm rửa tiền.

3. Các nội dung hợp tác quốc tế khác về phòng, chống rửa tiền:

a) Trao đổi thông tin, tài liệu *giữa cơ quan phòng, chống rửa tiền với cơ quan phòng, chống rửa tiền và cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác liên quan đến phòng, chống rửa tiền và các tội phạm nguồn của tội rửa tiền;*

b) Trao đổi thông tin giữa các cơ quan giám sát tài chính thuộc các bộ ngành với cơ quan giám sát tài chính của các quốc gia khác về phòng, chống rửa tiền;

c) Trao đổi thông tin giữa cơ quan thực thi pháp luật với cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác về phòng, chống rửa tiền.

4. Quy trình, thủ tục, phương thức hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền tại khoản 1, 2, 3 Điều này được thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết, các quy định khác của pháp luật có liên quan và được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại.

Điều 58. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành liên quan đề xuất, chủ trì đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về phòng, chống rửa tiền; hợp tác quốc tế trong việc nghiên cứu, đào tạo, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ kỹ thuật, trợ giúp tài chính và trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống rửa tiền.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền với cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác theo quy định của pháp luật; có quyền từ chối cung cấp thông tin cho cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác trong trường hợp cần thiết và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp trong phòng, chống rửa tiền.

4. Khi có yêu cầu về hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản về nội dung, thời gian, các bên liên quan và các chương trình hợp tác quốc tế khác cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phối hợp thực hiện.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 49 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau:

“1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giám sát ngân hàng.”

Điều 60. Quy định dẫn chiếu

Quy định về các biện pháp phòng, chống tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được áp dụng cho đối tượng báo cáo theo các Điều 34, 35 của Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13 ngày 12 tháng 06 năm 2013 và Điều 22 Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2019 được dẫn chiếu tới các quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 được thực hiện theo quy định tại các Điều từ 9 đến Điều 32 tại Mục 1, 2 Chương II về các biện pháp phòng, chống rửa tiền của Luật này.

Điều 61. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ..... thông qua ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI